

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Bajwa S.J.S. and Kaur. J.**(2013). Clinical profile of levobupivacaine in regional anesthesia: A systematic review. *J Anaesthesiol Clin Pharmacol.*29(4), 530-9.
2. **T. Chand P.B, K Joshi, A Agarwal**(2012).Patient-controlled epidural analgesia after hysterectomy with bupivacain 0,125%: comparison of different concentrations of sufentanil and fentanyl.*The internet Journal of Anesthesiology.* 30(3).
3. **Nguyễn Thế Lộc** (2016), Nghiên cứu hiệu quả của phương pháp gây tê tủy sống và ngoài màng cứng phối hợp để mổ và giảm đau sau mổ cắt tử cung hoàn toàn tại Bệnh viện Phụ sản Trung ương. *Kỹ yếu gây mê hồi sức*

2016,218-220.

4. **Sitsen E, van Poorten F, Jansen Get al.** (2012). A comparison of the efficacy of levobupivacaine 0.125%, ropivacaine 0.125% and ropivacaine 0.2%, all combined with sufentanil 0.5 microg/mL, in patient-controlled epidural analgesia after hysterectomy under combined epidural and general anesthesia. *Acta Anaesthesiol Belg.* 63(4), 75-169.
5. **Senard M, Kaba A, Jacquemin M. J et al.**(2004). Epidural levobupivacaine 0.1% or ropivacaine 0.1% combined with morphine provides comparable analgesia after abdominal surgery. *Anesth Analg.*98(2), 94-389.

NHẬN XÉT KẾT QUẢ ĐIỀU TRỊ NHẠY CẢM NGÀ RĂNG SÀU LẤY CAO RĂNG BẰNG GEL IONITE APF 1,23%

ĐẶNG ĐÌNH QUANG, NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG, TÓNG MINH SƠN
Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt – Trường Đại học Y Hà Nội

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá kết quả điều trị nhạy cảm ngà răng bằng Gel Ionite APF 1,23% trên bệnh nhân nhạy cảm ngà răng sau khi lấy cao răng. **Phương pháp:** 30 bệnh nhân (BN) có nhạy cảm ngà răng sau khi lấy cao răng từ 18 – 50 tuổi được chọn vào nghiên cứu. Đánh giá mức độ nhạy cảm ngà răng bằng nghiệm pháp chà xát và thổi hơi theo thang điểm VAS (Visual Analogue Scale) trước và sau điều trị. **Đối tượng nghiên cứu** được điều trị bằng gel Ionite APF 1,23% có thành phần NatriFluorid 1,23% trong 5 ngày. **Kết quả:** đã giảm nhạy cảm ngà răng rõ rệt khi đánh giá bằng nghiệm pháp chà xát và nghiệm pháp thổi hơi. Tỷ lệ bệnh nhân hết nhạy cảm chiếm tỷ lệ 60% sau 5 ngày điều trị. **Kết luận:** Gel Ionite APF có hiệu quả giảm nhạy cảm ngà sau khi lấy cao răng.

Từ khóa: Nhạy cảm ngà sau lấy cao răng; Gel Ionite APF 1,23%

SUMMARY

Purpose: To determine the outcome of dentin hypersensitivity treatment with Ionite APF 1.23% gel on patient experienced hypersensitivity following planing and root scaling. **Method:** 30 patients suffered from dentin hypersensitivity following planing and root scaling from 18 – 50 years old was randomly chosen for the research. Determine hypersensitivity with pure air and sound techniques on Visual Analogue Scale (VAS) before and after treatment. Ionite APF (NaF 1.23%) was applied on patient involved in the research for 5 days.

Chịu trách nhiệm: Nguyễn Thị Thu Hương
Địa chỉ: Viện Đào tạo Răng Hàm Mặt – Trường Đại học Y Hà Nội
Email: anhuydentist@yahoo.com
Ngày nhận: 09/11/2016
Ngày phản biện: 19/12/2016
Ngày duyệt bài: 30/12/2016
Ngày xuất bản: 30/1/2017

Result: The hypersensitivity symptom reduced significantly when determined with pure air and sound techniques. The percentage of patient with no presented symptom was 60% after 5 days of treatment. **Conclusion:** Using Ionite APF was effective on hypersensitivity following planing and root scaling

Keywords: Hypersensitivity following planing and root scaling, Gel Ionite APF 1,23%.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Theo một tài liệu nghiên cứu thì tỷ lệ nhạy cảm ngà răng trong dân số dao động từ 3 – 57% tùy thuộc vào phương pháp chẩn đoán.[1] Các nguyên nhân gây nhạy cảm ngà răng có thể do mòn răng, do bệnh viêm quanh răng dẫn đến co lợi, do tẩy trắng răng và đặc biệt là sau khi thực hiện một số thủ thuật điều trị bệnh quanh răng như lấy cao răng, nạo túi lợi, ... Đề tài được nghiên cứu với mục tiêu: Đánh giá kết quả điều trị nhạy cảm ngà răng bằng Gel Ionite APF 1,23% trên bệnh nhân nhạy cảm ngà răng sau khi lấy cao răng

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Đối tượng nghiên cứu

- Tiêu chuẩn lựa chọn: Bệnh nhân độ tuổi 18 - 50 sau khi lấy cao răng 1 tuần còn nhạy cảm ngà răng, chưa điều trị bằng phương pháp khác. Bệnh nhân đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ:

+ Răng có biểu hiện bệnh lý tổn thương như: sâu răng, viêm tủy
+ BN đang sử dụng các thuốc chống viêm, giảm đau.

+ BN có tiền sử sử dụng với các thành phần có trong gel Ionite APF

2. Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu can thiệp lâm sàng đánh giá kết quả điều trị trước – sau

- Cỡ mẫu: Cỡ mẫu tính được là 81 răng. Thực tế chúng tôi nghiên cứu trên 172 răng.

Cách chọn mẫu: chọn mẫu thuận tiện.

- * Phương tiện nghiên cứu:
 - Bệnh án nghiên cứu.
 - Bộ dụng cụ khám răng.
 - Tay xịt hơi của ghế răng nha khoa áp lực 60psi.
 - Gel Ionite APF 1,23%: chai 250ml của Công ty Dharma Research có hạn sử dụng là tháng 02/2016.

* Tiến hành nghiên cứu:

- Phòng vấn và ghi nhận thông tin: thông tin cá nhân (tuổi, giới, nghề...) và tình trạng ê buốt răng của bệnh nhân sau khi lấy cao răng.

- Thăm khám lâm sàng:
 - + Khám phát hiện nhạy cảm ngà dựa vào 2 nghiệm pháp:

Nghiệm pháp thổi hơi bằng tay xịt hơi của máy nha khoa để kích thích và đánh giá mức độ nhạy cảm ngà bằng hơi với áp lực 60psi. Thổi hơi cách mặt răng 1cm và vuông góc với bề mặt răng trong thời gian 1 giây. Đánh giá kết quả bằng thang điểm VAS [4], BN đánh dấu mức độ đau trên thước 100mm với các mức độ: 0 = 0 điểm (không ê buốt); 1 – 40 mm = 1 – 3 điểm (ê buốt nhẹ); 41 – 70 mm = 4 – 6 điểm (ê buốt vừa); 71 – 99 mm = 7 – 9 điểm (ê buốt nặng); 100 mm = 10 điểm (ê buốt không chịu nổi)

Nghiệm pháp chà xát: sử dụng cây thăm khám, đánh giá theo hai mức: không ê buốt: mã số 0; có cảm giác ê buốt: mã số 1.

- Tiến hành can thiệp:
 - + Bôi gel Ionite APF 1,23% lên bề mặt răng nhạy cảm: Dùng tay khoan chậm và chải cước làm sạch bề mặt răng, sau đó lau khô bằng bông gòn. Bôi phủ lên bề mặt răng nhạy cảm một lớp gel Ionite APF 1,23%, để yên trong 4 phút. Dặn dò bệnh nhân không được ăn uống trong vòng 30 phút sau khi điều trị.

+ Đánh giá kết quả sau mỗi ngày bằng nghiệm pháp thổi hơi theo thang điểm VAS và chà xát. Đánh giá từng răng và từng bệnh nhân dựa vào điểm trung

Kết quả Thời gian	Không		Nhẹ	Trung bình		Nặng		
	n	%		n	%	n	%	
Trước khi điều trị	0	0	9	30	20	66,67	1	3,33
Sau ngày thứ 1	0	0	21	70	9	30	0	0
Sau ngày thứ 2	1	3,33	25	83,34	4	13,33	0	0
Sau ngày thứ 3	1	3,33	28	93,34	1	3,33	0	0
Sau ngày thứ 4	1	3,33	28	93,34	1	3,33	0	0
Sau ngày thứ 5	5	16,67	24	80	1	3,33	0	0

Tỷ lệ bệnh nhân chuyển dịch dần về nhạy cảm ở mức độ nhẹ. Sau 5 ngày điều trị, chỉ có 1 bệnh nhân nhạy cảm ở mức độ trung bình (3,33%), tỷ lệ bệnh nhân không còn nhạy cảm chỉ là 16,67%, nhạy cảm mức độ nhẹ chiếm tỷ lệ cao nhất (80%). Sự khác biệt giữa 5 ngày điều trị có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$.

2.2. Kết quả điều trị theo từng răng

Bảng 3. Đánh giá kết quả điều trị sau 1 ngày trên tất cả các răng dựa vào kích thích hơi tính theo thang điểm VAS

Thời điểm	Điểm trung bình	p
Trước khi điều trị	3,70 ± 1,854	p < 0,001
Sau 1 ngày điều trị	2,80 ± 1,693	
Sau 5 ngày điều trị	0,63 ± 1,098	

bình mức độ nhạy cảm của các răng.

+ Tiếp tục tiến hành điều trị bằng gel Ionite APF trong các ngày tiếp theo.

- * Địa điểm và thời gian nghiên cứu:
 - Khoa Răng Hàm Mặt, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội
 - Thời gian: từ tháng 1 đến tháng 4 – 2015
- * Xử lý số liệu: Tiến hành nhập số liệu và xử lý bằng phần mềm Epi Data.

* Đạo đức nghiên cứu: Nghiên cứu tuân thủ các quy định đạo đức nghiên cứu trong y sinh học.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

1. Đặc điểm chung của nhóm nghiên cứu

Tổng số có 30 bệnh nhân với 211 vị trí nhạy cảm ngà răng trong nhóm nghiên cứu có độ tuổi 18 – 30. Độ tuổi trung bình của nhóm nghiên cứu là 22,57 ± 1,675. Bệnh nhân nữ chiếm tỷ lệ 63,3% nhiều hơn nam.

2. Kết quả điều trị nhạy cảm ngà răng

2.1. Kết quả điều trị theo từng bệnh nhân

Bảng 1. Kết quả điều trị nhạy cảm ngà đánh giá bằng triệu chứng cơ năng trong 5 ngày điều trị

Kết quả Thời gian	Hết ê buốt		Giảm		Không giảm	
	n	%	n	%	n	%
Sau ngày thứ 1	0	0	15	50,0	15	50,0
Sau ngày thứ 2	1	3,3	20	66,7	9	30,0
Sau ngày thứ 3	3	10,0	25	83,3	2	6,7
Sau ngày thứ 4	6	20,0	24	80,0	0	0
Sau ngày thứ 5	18	60,0	12	40,0	0	0

Đánh giá bằng triệu chứng cơ năng, tỷ lệ bệnh nhân thấy hết ê buốt tăng dần theo từng ngày, và đến ngày thứ 5 thì có đến 60% số bệnh nhân thấy không còn ê buốt. Sự khác biệt giữa 5 ngày điều trị có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$.

Bảng 2. Mức độ nhạy cảm theo thang điểm VAS được đánh giá bằng nghiệm pháp thổi hơi trong 5 ngày điều trị theo từng bệnh nhân.

Bảng 4. Kết quả điều trị răng được đánh giá bằng nghiệm pháp thổi hơi

Kết quả Thời gian	Tốt		TB		Kém	
	n	%	n	%	n	%
Sau ngày thứ 1	12	5,69	101	47,87	98	46,44
Sau ngày thứ 2	34	16,11	134	63,51	43	20,38
Sau ngày thứ 3	65	30,81	132	62,56	14	6,63
Sau ngày thứ 4	94	44,55	115	54,50	2	0,95
Sau ngày thứ 5	137	64,93	74	35,07	0	0

Trong 4 ngày đầu, tỷ lệ răng có kết quả điều trị trung bình chiếm đa số tuy nhiên tỷ lệ răng có kết quả điều trị tốt tăng dần lên, và đến ngày thứ 5 thì tỷ lệ răng có kết quả điều trị tốt chiếm tỷ lệ cao nhất 64,9% so với kết quả điều trị trung bình là 35,1%, không có kết quả điều trị kém. Sự khác biệt giữa 5 ngày điều trị

có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$. Nghiên cứu của Tổng Minh Sơn và cộng sự về đánh giá hiệu quả giảm nhạy cảm của kem chải răng Sensodyne Rapid Relief sau khi điều trị 4 tuần thì kết quả điều trị tốt chiếm tỷ lệ cao nhất là 68,37%, kết quả điều trị trung bình là 31,12% và kết quả điều trị kém là 0,51% [7].

Nhìn chung, tỷ lệ răng không còn ê buốt sau 5 ngày điều trị khi sử dụng nghiệm pháp chà xát rất cao (91,7%). Nghiên cứu của Tổng Minh Sơn về đánh giá hiệu quả giảm nhạy cảm của Seal & Protect cho kết quả tỷ lệ không còn ê buốt với nghiệm pháp chà xát ngay sau khi điều trị là 98,1% với cổ răng [8]. Nghiên cứu của Tổng Minh Sơn về đánh giá hiệu quả giảm nhạy cảm của kem chải răng Sensodyne Rapid Relief thì sau điều trị 12 tuần, tỷ lệ răng không còn ê buốt với nghiệm pháp chà xát là 80,10% [7].

KẾT LUẬN

Gel Ionite APF 1,23% có tác dụng giảm nhạy cảm rõ rệt ngay sau 1 ngày điều trị:

- Đánh giá theo triệu chứng cơ năng: Kết quả điều trị tốt (hết nhạy cảm) tăng dần theo thời gian điều trị và chiếm tỷ lệ cao nhất (60%) sau 5 ngày điều trị.

- Đánh giá bằng nghiệm pháp thổi hơi:

+ Với từng bệnh nhân: kết quả điều trị trung bình chiếm đa số (83,3%) sau 5 ngày điều trị. Tỷ lệ bệnh nhân nhạy cảm mức độ nhẹ sau 5 ngày điều trị chiếm cao nhất (80%)

+ Với từng răng: Kết quả tốt chiếm tỷ lệ cao (64,9%) và tăng dần theo thời gian điều trị.

- Đánh giá bằng nghiệm pháp chà xát: tỷ lệ tốt (răng không còn ê buốt) sau 5 ngày điều trị là cao đến 91,7%.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Christian H. Spliet, Aikaterini Tachou. (2013). Epidemiology of dentin hypersensitivity. *The Journal Clinical Oral Investigations*, 17, 3–8.
2. Lin Y. H., Gillam D. G. (2012). The Prevalence of Root Sensitivity following Periodontal Therapy: A Systematic Review. *International Journal of Dentistry*.
3. Snezana Pesevska, Marija Nakova, Kiro Ivanovski. (2010). Dentinal hypersensitivity following scaling and root planing: comparison of low-level laser and topical fluoride treatment. *Lasers in Medical Science*, 25, 647 - 650.
4. José Martínez Ricarte, Vicente Faus Matoses, Vicente José Faus Llácer. (2008). Dentinal sensitivity: Concept and methodology for its objective evaluation. *Medicina Oral Patología Oral y Cirugía Bucal*, 13, 201-206.
5. Dr. Jitendra Saraf, Dr. Ramesh Amirisetty, Dr R M Zade. (2013). Evaluation of effectiveness of CPP-ACP combination in treating dentinal hypersensitivity following non surgical periodontal therapy – A randomized clinical trial. *Chhattisgarh Journal of Health Sciences*, 1, 32-34.
6. Rosaiah.K, Aruna.K. (2011). Clinical Efficacy of Amorphous Calcium Phosphate, G.C. Tooth Mousse and Gluma. *International Journal of Dental Clinics*, 3, 1-4.
7. Tổng Minh Sơn, Trịnh Thị Thái Hà, Lê Văn Nam. (2015). Đánh giá kết quả điều trị nhạy cảm ngà răng bằng kem chải răng Sensodyne Rapid Relief. *Tạp chí Y Dược học Quân sự*, 4, 185 - 191.
8. Tổng Minh Sơn, Trịnh Thị Thái Hà, Lê Thị Bình. (2015). Kết quả điều trị nhạy cảm ngà răng bằng Seal & Protect. *Tạp chí Y học Việt Nam*, 429, 88 - 92.

THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG TẠI LÀNG NGHỀ TÁI CHẾ NHÔM BÌNH YÊN XÃ NAM THANH - NAM TRỰC - NAM ĐỊNH

ĐỖ MINH SINH¹, PHẠM THỊ KIỀU ANH¹
NGÔ THỊ NHƯ², NGUYỄN QUỐC TIẾN²
¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định
²Trường Đại học Y Dược Thái Bình

TÓM TẮT

Làng nghề TCKL có vai trò quan trọng trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở các vùng nông thôn. Tuy nhiên quá trình sản xuất đã phát thải ra môi trường nhiều chất gây ô nhiễm. Mục tiêu: Mô tả thực trạng môi trường lao động tại làng nghề tái chế nhôm Bình Yên xã Nam Thanh huyện Nam Trực tỉnh Nam Định. Phương pháp: Nghiên cứu mô tả cắt ngang với 30 mẫu quan trắc môi trường lao động gồm các thông

số: vi khí hậu, bụi, hơi khí độc, kim loại. Tiêu chí đánh giá tuân theo Quyết định số 3733/2002/QĐ -BYT. Kết quả: Có 40-76,67% mẫu đo các yếu tố vi khí hậu không đạt chuẩn. 100% mẫu đo tiếng ồn ở khâu kéo, cán vượt chuẩn. 100% mẫu đo hàm lượng bụi vượt giới hạn. 33,33% mẫu đo có hàm lượng CO vượt chuẩn. Trong các kim loại khảo sát chỉ có hàm lượng chì đã vượt tiêu chuẩn. Kết luận: Môi trường lao động tại làng Bình Yên đang bị ô nhiễm với nhiều chỉ số đã vượt tiêu chuẩn cho phép.

Từ khóa: Làng nghề, tái chế kim loại, vi khí hậu, hơi khí độc, kim loại nặng.

SUMMARY

THE WORKING ENVIRONMENTAL CONDITION IN ALUMINUM RECYCLING VILLAGE OF BINH YEN - NAM THANH - NAM TRUC - NAM DINH

Recycled metal craft village plays an important role

Chịu trách nhiệm: Đỗ Minh Sinh
Địa chỉ: Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định
Email: minhsinh82@gmail.com
Ngày nhận: 19/12/2016
Ngày phản biện: 26/12/2016
Ngày duyệt bài: 04/1/2017
Ngày xuất bản: 30/1/2017